TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2022
V/v "Ly hôn
và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Em**

2. Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Huỳnh Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A,** sinh năm 1988; Trú tại: Số A, đường Đ, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1989; Trú tại: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/01/2022, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà A và ông D đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2019. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau, ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bà A đã tìm nhiều cách để hàn gắng nhưng không có kết quả. Bà A và ông D đã sống ly thân từ tháng 05/2022 cho đến nay. Do không còn tình cảm nên nay bà A yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Bà A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà A và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhã P, sinh ngày 21/11/2019, bà A yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị A có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Ông Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà A và ông D đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông D. Về con chung: Bà A được nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Nhã P, sinh ngày 21/11/2019, ông D không phải cấp dưỡng nuôi chung do bà A tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung; nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông D là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, ông D có quan hệ với người phụ nữ khác. Tại biên bản làm việc ngày 11/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với bà Nguyễn Thị Thu N là cô ruột của ông D thể hiện: từ sau khi kết hôn, ông D và bà A không sống chung với gia đình, chỉ được nghe ông D nói lại là do bà A ghen vì ông D có quen nhiều người phụ nữ khác; từ khoảng 03 năm nay, bà A cũng không có về thăm gia đình chồng; hiện tại cả hai vợ chồng không còn sống chung với nhau (BL 28). Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng ông D vắng mặt, cho thấy ông D đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Bà A cũng có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải đoàn tụ với ông D. Điều đó đã chứng tỏ việc hàn gắng tình cảm cho bà A và ông D không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà A và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông D là phù hợp quy định pháp luật. Bà A, ông D tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: bà A và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhã P, sinh ngày 21/11/2019, hiện đang sống với bà A. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Bà A cung cấp được sao kê tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank thể hiện có công việc và thu nhập ổn định. Thời điểm hiện tại, cháu P đang sống chung với bà A, chưa đủ 36 tháng tuổi, được bà A đảm bảo đầy đủ việc chăm sóc, phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo việc phát triển đầy đủ mọi mặt cho cháu P nên giao cháu P cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà A nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A đối với ông Nguyễn Văn D. Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A đối với ông Nguyễn Văn D chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu

lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị A không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị A được tiếp tục nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Nhã P, sinh ngày 21/11/2019. Ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị A tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị A khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0001368 ngày 24/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị A đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND P.13, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Minh Hiền